

Phụ lục 24. Mẫu thông báo về giá trị tài sản ròng của Quỹ/ Appendix No.24

(Ban hành kèm theo Thông tư 183 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở/ Promulgated with the Circular guiding establishment and management of open-ended funds)

GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ/ NET ASSET VALUE OF THE FUND

Tại ngày 08 tháng 01 năm 2015/ As of 08 Jan 2015

Tên công ty quản lý quỹ/ Fund Management Company name: **Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments/ Eastspring Investments Fund Management Company**

Tên ngân hàng giám sát/ Supervising bank name: **Ngân Hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)/ HSBC Bank (Vietnam) Ltd**

Tên Quỹ/ Fund name: **Quỹ đầu tư năng động Eastspring Investments Việt Nam/ Eastspring Investments Vietnam Navigator Fund (ENF)**

Ngày định giá/ Valuation date: 09/01/2015

Ngày giao dịch/ Dealing date: 09/01/2015

Tên Quỹ/ Fund Name	Phí phát hành (% giá trị giao dịch)/ Subscription fee (% transaction amount)	Phí mua lại (% giá trị giao dịch)/ Redemption fee (% transaction amount)	GTTSR trên một đơn vị quỹ tại ngày định giá/ NAV per unit at valuation date	GTTSR trên một đơn vị quỹ tại ngày định giá kỳ trước/ NAV per unit last valuation date	Thay đổi GTTSR trên một đơn vị quỹ so với kỳ trước (%)/ Change in NAV per unit as compared to the last period	Biến động GTTSR trên một đơn vị quỹ trong năm/ Changes in NAV per unit during 1 year		Tỷ lệ sở hữu của NĐTNN/ Foreign investors' ownership ratio		
						Mức cao nhất/ Highest level (VND)	Mức thấp nhất/ Lowest level (VND)	Số lượng đơn vị quỹ/ Number of fund units	Tổng giá trị tại ngày giao dịch/ Total value on dealing date	Tỷ lệ sở hữu/ Ownership ratio
ENF	0-3% (*)	0.00%	10,738	10,605	1.25%	11,149	9,358	5,301,558.61	56,928,136,354	79.44%

Ghi chú/ Note:

(*): Phí phát hành trong khi IPO: do Đại lý Phân phối ấn định nhưng không vượt quá 2%/Subscription fee during IPO: quoted by Distributor, but not higher than 2%

Phí phát hành sau IPO: do Đại lý Phân phối ấn định nhưng không vượt quá 3%/Subscription fee after IPO: quoted by Distributor, but not higher than 3%

Ngân hàng giám sát/ Supervising bank

Công ty quản lý quỹ/ Fund Management company

Tổng giám đốc/ Chief Executive Officer

(Đã ký và đóng dấu)

(Đã ký và đóng dấu)